

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03/2024/QĐST-DS

Hồng Ngự ngày 14 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

**V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản,
phân chia tài sản chung để thi hành án**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đặng Quốc Bình.

Thư ký phiên họp: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự tham gia phiên họp:
Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 7 và 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 03/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 03/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Lý Văn T1, sinh năm 1980; Lý Thái N, sinh năm 2003; Lý Thị Nguyên L, sinh năm 2008. Đại diện hợp pháp của Lý Thị Nguyên L là bà Nguyễn Thị T. Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà Đ có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu cũng như tại phiên họp, người yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Căn cứ Bản án số 49/2023/HNGĐ-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp thì chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ tiền vay còn nợ 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng).

Sau đó, bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án và được Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự ban hành Quyết định thi hành án theo Đơn yêu cầu số 513/QĐ-CCTHADS ngày 22/6/2023 thi hành Bản án số 49 nêu trên.

Trong quá trình thi hành án, tại biên bản về việc xác minh điều kiện thi hành án đề ngày 10/7/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự xác minh gia đình chị T có 04 nhân khẩu, 02 vợ chồng mới ly hôn; có 01 căn nhà vách xây gạch, mái to; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lý Văn T1 đại diện hộ đứng tên; tại thời điểm xác minh chưa phát hiện tài sản nào khác có giá trị.

Đến ngày 17/7/2023, Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự ra Thông báo số 278/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án.

Ngày 30/10/2023, bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án của người phải thi hành án (chị Nguyễn Thị T) trong khối tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa số 105, tờ bản đồ số 13, diện tích 52,6m² do ông Lý Văn T1 đại diện hộ đứng tên.

Ngày 17/6/2024, bà Nguyễn Thị Đ có bổ sung yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án của người phải thi hành án (chị Nguyễn Thị T) trong khối tài sản chung là 01 căn nhà cấp 4, nền lát gạch, vách tường, mái tôn trên phần đất thửa số 105, tờ bản đồ số 13, diện tích 52,6m² do ông Lý Văn T1 đại diện hộ đứng tên.

Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên họp, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ gì để thể hiện sự phản đối đối với yêu cầu của người yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 74 Luật Thi hành án dân sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Về nội dung:

Tại Bản án số 49/2023/HNGĐ-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp thì chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ tiền vay còn nợ 145.000.000 đồng (một trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự không cưỡng chế tài sản để thi hành án được do không xác định được quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án. Do đó bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản chung của chị Nguyễn Thị T trong khối tài sản chung để thực hiện nghĩa vụ dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được thì tài sản của chị Nguyễn Thị T và các vấn đề liên quan được xác định như sau:

Tại Công văn số 235/CNVPĐKĐĐ-ĐKCG&TTLT ngày 23/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện H về việc cung cấp thông tin hồ sơ địa chính nội dung: *“Thửa đất số 105, tờ bản đồ số 13, diện tích 52,6m², đất tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp được Sở T2 ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lý Văn T1 ngày 14 tháng 04 năm 2021, số bìa DB 834257, số vào sổ cấp GCN CS02655. Nguồn gốc: nhận chuyển nhượng của bà Võ Thị Thu L1. Tại thời điểm cấp giấy cho hộ ông Lý Văn T1 thì hồ sơ địa chính không ghi nhận thành viên hộ gia đình. Đến thời điểm hiện tại các thửa đất chưa đăng ký biến động và chưa đăng ký giao dịch bảo đảm”*.

Tại Công văn số 07/CAH-QLHC ngày 09/02/2024 của Công an huyện H, tỉnh Đồng Tháp nội dung: *“Qua tra cứu tàng thư hồ sơ cư trú số 29962-002359, Công an huyện H, có quản lý hộ ông Lý Văn T1, sinh năm 1980, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp B, xã T, huyện H, Đồng Tháp trong hồ sơ cư trú có thông tin về hộ khẩu, nhân khẩu sau:*

- Ngày 09/10/2006, hộ ông Lý Văn T1, được tách ra từ hộ ông Lý Văn Đ1, trong hộ gồm các nhân khẩu sau:

- 1. Lý Văn T1, sinh năm 1980, làm chủ hộ*
- 2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1983, quan hệ với chủ hộ là vợ*
- 3. Lý Thái N, sinh ngày 15/01/2003, quan hệ với chủ hộ là con*

- Ngày 01/11/2010, ông Lý Văn T1 đăng ký thường trú cho con là Lý Thị Nguyên L, sinh ngày 14/01/2008”

Trong quá trình giải quyết, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có tờ khai, ý kiến gì đối với yêu cầu của người yêu cầu. Do đó, chấp nhận yêu cầu về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án của người yêu cầu là nhà và đất tại thửa số 105, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại xã T, huyện H theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 219 của Bộ luật Dân sự và Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự.

Về phần sở hữu, sử dụng trong khối tài sản chung nhà, đất của chị T được xác định như sau:

Đối với phần đất 52,6m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lý Văn T1 ngày 14/4/2021.

Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác, nên căn cứ theo Văn bản trả lời số: 07/CAH-QLHC ngày 09/02/2024 của Công an huyện H thì hộ ông Lý Văn T1 có 04 thành viên. Do đó, trong phần đất diện tích 52,6m² thì cá nhân chị T được quyền sở hữu là 1/4, là phù hợp quy định tại Điều 158, 210 của Bộ luật Dân sự.

Đối với phần nhà cất trên đất: Là tài sản chung của vợ chồng chị T có được trong thời kỳ hôn nhân, không ai có ý kiến phản đối là tài sản riêng hoặc có công sức đóng góp, nên xác định cá nhân chị T được quyền sở hữu là 1/4 là phù hợp Điều 33, 34, 35, 75 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 của Bộ luật Dân sự.

[4] Từ những nhận định trên, Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp chấp nhận yêu cầu của bà Đ cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng cộng là 1.777.080 đồng, bà Đ tự nguyện chịu phần chi phí này và đã nộp xong.

[6] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, bà Đ phải chịu tiền lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, các Điều 35, 39, 92, 149, 361, 367, 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 158, 210, 213, 219 của Bộ luật Dân sự; các Điều 33, 34, 35, 75 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ.

2. Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng của chị Nguyễn Thị T trong khối tài sản chung nhà, đất để thi hành án như sau: 1/4 đối với 01 căn nhà tầng cấp 4 gắn liền quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 13 và 1/4 đối với quyền sử dụng đất, diện tích 52,6m², thuộc thửa đất số 105, tờ bản đồ số 13, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn do hộ ông Lý Văn T1 đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền lệ phí là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004527, ngày 20/11/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Bà Đ đã nộp đủ tiền lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đặng Quốc Bình